ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

TRẦN TIẾN DŨNG

ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT CHUYÊN NGÀNH TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ - NĂM 2020

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Luật – Đại học Huế.

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS ĐOÀN ĐỨC LƯƠNG**

Phản biện 1: .....

.....

Phản biện 2**:** .....

.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại : trường Đại học Luật.

Vào lúc..... ngày.....tháng.....năm 2020.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài. 1
2. Tình hình nghiên cứu 1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 1
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 2
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 2
6. Những đóng góp mới của luận văn 3
7. Kết cấu của luận văn 3
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT CHUYÊN NGÀNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN 4
1.1. Khái quát áp dụng Bộ luật dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng 4
1.1.1. Khái niệm áp dụng pháp luật 4
1.1.2. Khái niệm tranh chấp hợp đồng tín dụng 4
1.1.3. Khái niệm áp dụng Bộ Luật dân sự và Luật chuyên ngành về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án 5
1.2. Nội dung cơ bản của áp dụng Bộ luật dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng 5
1.2.1. Quy định về nguyên tắc áp dụng Luật chung và Luật chuyên ngành 5
1.2.2. Ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng 5
1.3. Các yếu tố tác động đến áp dụng Bộ luật dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng 5
1.3.1. Quy định của pháp luật không thống nhất 5
1.3.2. Nhận thức của các chủ thể khi áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng 6
1.3.3. Tác động của kinh tế đến hoạt động tín dụng ngân hàng 6
Tiểu kết Chương 1 7

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT CHUYÊN NGÀNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN 8
2.1. Thực trạng áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án 8
2.1.1. Quy định về nguyên tắc áp dụng Luật chung và luật chuyên ngành 8
2.1.2. Ưu tiên áp dụng của Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng 8
2.1.3. Áp dụng Bộ luật Dân sự trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng 9
2.1.4. Những vướng mắc, bất cập của Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành áp dụng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng 9
2.2. Thực tiễn áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án 9
2.2.1. Thực tiễn và những vướng mắc trong chọn Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án..... 9
2.2.2. Thực tiễn và những vướng mắc trong ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án 10
2.2.3. Một số hạn chế, vướng mắc khi áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án 11
2.2.4. Nguyên nhân của một số hạn chế, vướng mắc khi áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án 11
Tiểu kết Chương 2 13
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT CHUYÊN NGÀNH TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN 14
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án 14
3.1.1. Đảm bảo tính thống nhất trong quy định của Bộ luật dân sự (luật chung) và luật chuyên ngành để áp dụng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng 14

3.1.2. Bảo vệ quyền lợi chính đáng đối với các chủ thể tham gia quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng 14
3.1.3. Đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của các tổ chức tín dụng 14
3.1.4. Đảm bảo quyền tự do kinh doanh 14
3.1.5. Đảm bảo tính khả thi, đồng bộ và kịp thời trong công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án 14
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành áp dụng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng 15
3.2.1. Sửa đổi khoản 2 Điều 91 Luật Các TCTD năm 2010 bỏ cụm từ "theo quy định của pháp luật" 15
3.2.2. Quy định cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan 16
3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án 16
3.3.1. Tòa án cần thống nhất nhận thức trong việc áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để xác định lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng 16
3.3.2. Xác định lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, lãi chậm trả, Tòa án cũng cần xác định rõ căn cứ giải quyết dựa trên các quy định tại Bộ luật dân sự 17
3.3.3. Có hướng dẫn về đăng ký giao dịch bảo dảm trong hợp đồng tín dụng..... 17
3.3.4. Hướng dẫn nghiệp vụ thường xuyên để áp dụng thống nhất pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng 18
Tiểu kết Chương 3 19
KẾT LUẬN..... 20
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 21

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.

Hợp đồng tín dụng là dạng hợp đồng khá phổ biến được xác lập giữa một bên là ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng khác với khách hàng là các cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh (hai bên đều có mục đích lợi nhuận) và cá nhân không có đăng ký kinh doanh (tín dụng tiêu dùng).

Các tranh chấp HĐTD được giải quyết chủ yếu bởi cơ quan Tòa án và được điều chỉnh chủ yếu bởi BLDS là luật chung điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng là luật chuyên ngành. Tuy nhiên, giữa các quy định của BLDS và Luật Các TCTD còn có những điểm chưa thống nhất và hạn chế, đặc biệt là trong việc xác định lãi suất và giải quyết tranh chấp HĐTD.

Xuất phát từ thực tiễn đó, tác giả xin lựa chọn đề tài: ***"Áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án"*** để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu

Thứ nhất, các bài báo khoa học:

-Nguyễn Thái Nam (2018), *"Vướng mắc, bất cập trong áp dụng quy định lãi suất"*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử 5/2018.

-Nguyễn Văn Phương (2018), *"Vấn đề lãi suất và phạt vi phạm trong hợp đồng cho vay - thực trạng và kiến nghị"*, Tạp chí Ngân hàng 3/2018.

-Đỗ Thị Hồng Hạnh (2017), *"Giải quyết các tranh chấp về hợp đồng tín dụng"*, Tạp chí Công thương 9/2018.

-Đoàn Đức Lương (2020), *Áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành trong xác định lãi suất khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng*. Tạp chí Đại học Huế tháng 3/2020.

Thứ hai, các luận văn, luận án:

- Ngô Thị Trang (2019), *"Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng từ thực tiễn xét xử của Tòa án tại thành phố Hà Nội"*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

- Trần Võ Hữu Chánh (2019), *"Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng theo pháp luật Việt Nam hiện nay từ thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân quận 9 thành phố Hồ Chí Minh"*, Luận văn Thạc sĩ Luật kinh tế, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

- Phạm Thị Như Bình (2017), *"Giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng tại Tòa án cấp sơ thẩm theo pháp luật Việt Nam"*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật, Đại học Huế.

- Trần Ánh Phương (2018), *"Pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng"*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật, Đại học Huế

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu là tìm ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật cũng như góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng BLDS và Luật Các TCTD trong giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án kịp thời, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích và làm rõ các vấn đề lý luận pháp luật về HĐTD và giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án.
- Phân tích thực trạng áp dụng quy định của BLDS và Luật Các TCTD về giải quyết tranh chấp HĐTD;
- Phân tích thực tiễn áp dụng và những vấn đề còn hạn chế, tồn tại trong việc áp dụng BLDS và Luật Các TCTD để giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án;
- Chỉ ra nguyên nhân của các hạn chế, vướng mắc trên. Từ đó, nêu ra những luận cứ khoa học, định hướng hoàn thiện pháp luật trong áp dụng BLDS và Luật Các TCTD giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Một số quan điểm khoa học để luận giải một số vấn đề lý luận ở Chương 1;
- Nghiên cứu các quy định của BLDS và Luật Các TCTD trong việc giải quyết các tranh chấp HĐTD;
- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng BLDS và Luật Các TCTD trong giải quyết các tranh chấp HĐTD tại Tòa án thông qua một số vụ án cụ thể.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về áp dụng BLDS và Luật chuyên ngành; Luật Các TCTD tập trung vào vấn đề giải quyết tranh chấp lãi suất.
- Phạm vi thời gian: từ năm 2015 đến năm 2020.
- Địa bàn nghiên cứu: Cả nước

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

- Luận văn được thực hiện trên cơ sở vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lenin (chủ nghĩa duy vận biện chứng và duy vật lịch sử). Các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách phát triển thị trường ở Việt Nam.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: Được sử dụng xuyên suốt để phân tích các vấn đề lý luận về HĐTD, tranh chấp HĐTD và giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án, các quy định cũng như thực tiễn áp dụng BLDS và Luật Các TCTD trong giải quyết các tranh chấp HĐTD tại Tòa án;
- Phương pháp so sánh được áp dụng để tương quan so sánh các quy định của BLDS với Luật Các TCTD, giữa quy định pháp luật hiện hành với các quy định pháp luật cũ có liên quan về vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Phân tích các vụ việc và đối sánh quy định của pháp luật để chỉ ra những hạn chế trong áp dụng pháp luật. Phương pháp này tập trung ở Chương 2.

- Phương pháp thống kê: Thống kê các số liệu để chứng minh tình hình nghiên cứu tập trung ở Chương 2.

6. Những đóng góp mới của luận văn

- Những đóng góp mới về mặt lý luận: Đã hệ thống được một số vấn đề lý luận pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD; nguyên tắc áp dụng BLDS và Luật Các TCTD. Phát hiện về những hạn chế của các quy định điều chỉnh các vấn đề liên quan đến HĐTD giữa luật chuyên ngành và luật chung điều chỉnh cho các quan hệ dân sự.

- Những đóng góp mới về mặt thực tiễn: Chỉ ra những vướng mắc từ các công trình khoa học đã công bố đồng thời cũng đã nghiên cứu thêm một số bất cập khác trong việc áp dụng BLDS và Luật Các TCTD để giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án. Nêu ra một số trường hợp điển hình về áp dụng BLDS và Luật Các TCTD trong giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD tại Tòa án. Phân tích những nguyên nhân của các hạn chế, vướng mắc, làm cơ sở để đưa ra những kiến nghị, giải pháp khoa học nhằm bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng BLDS và Luật Các TCTD tại Tòa án.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của khóa luận được chia thành 03 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về áp dụng Bộ Luật dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án.

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT CHUYÊN NGÀNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN

1.1. Khái quát áp dụng Bộ luật dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

1.1.1. Khái niệm áp dụng pháp luật

Về phương diện pháp lý thì áp dụng pháp luật là một khái niệm được sử dụng nhiều trong các công trình nghiên cứu. Áp dụng pháp luật được hiểu *"là một hoạt động có tính tổ chức, quyền lực nhà nước, do các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nhằm cá biệt hóa các quy phạm pháp luật hiện hành vào những trường hợp cụ thể đối với cá nhân, tổ chức cụ thể"*[1].

Hiến pháp 2013 đã ghi nhận,*"Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ"*[2].

Như vậy, áp dụng pháp luật ở đây được hiểu khi có tranh chấp phát sinh, cơ quan có thẩm quyền chọn luật và áp dụng những quy định của luật đã chọn để giải quyết tranh chấp và đưa ra những phán quyết.

1.1.2. Khái niệm tranh chấp hợp đồng tín dụng

"Tranh chấp" xét dưới góc độ thuật ngữ pháp lý là sự xung đột hay mâu thuẫn về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ tranh chấp đó.

Trong một nghiên cứu có tác giả cũng đưa ra nhận định: *"Tranh chấp tín dụng có thể là tranh chấp về hợp đồng tín dụng hay tranh chấp về hợp đồng bảo đảm hợp đồng tín dụng. Trong đó, tranh chấp hợp đồng tín dụng thực chất là tranh chấp hợp đồng vay".*

Như vậy, từ cách tiếp cận trên và các định nghĩa được đưa ra, có thể khái quát khái niệm tranh chấp HĐTD như sau: *Tranh chấp HĐTD là những mâu thuẫn, bất đồng phát sinh từ quyền và nghĩa vụ trong HĐTD giữa bên cho vay là TCTD và bên vay là các cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện vay.*

Các dạng tranh chấp hợp đồng tín dụng

Căn cứ vào chủ thể:

- Tranh chấp HĐTD là tranh chấp về hợp đồng dân sự.
- Tranh chấp HĐTD là tranh chấp kinh doanh, thương mại.

Căn cứ vào đối tượng:

- Tranh chấp về hành vi vi phạm nghĩa vụ của một hoặc các bên trong HĐTD.
- Tranh chấp về lãi suất vay.

---

[1] Nguyễn Thị Hồi (2009), *Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Tư Pháp, Hà Nội, tr. 30.

[2] Điều 8, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013.

- Tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm cho HĐTD.

- Ngoài ra, còn có một số dạng tranh chấp nữa của HĐTD như: tranh chấp về chủ thể xác lập, thực hiện hợp đồng; tranh chấp về luật áp dụng và cơ quan giải quyết tranh chấp.

1.1.3. Khái niệm áp dụng Bộ Luật dân sự và Luật chuyên ngành về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

Các tranh chấp về HĐTD thường được giải quyết bằng nhiều phương thức khác nhau như: thương lượng, hòa giải, Tòa án và trong một số trường hợp có thể giải quyết tại trọng tài thương mại. Mỗi phương thức lại có những đặc trưng riêng, được thực hiện bằng các quy tắc, hình thức và thủ tục riêng của nó.

Pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án nhân dân

Từ phân tích trên, tác giả đưa ra khái niệm sau: *Áp dụng Bộ Luật dân sự và Luật chuyên ngành về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là việc Tòa án có thẩm quyền chọn Luật áp dụng và áp dụng các quy định của pháp luật đó để giải quyết tranh chấp về quyền và nghĩa vụ trong HĐTD và đưa ra các quyết định, bản án.*

1.2. Nội dung cơ bản của áp dụng Bộ luật dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

1.2.1. Quy định về nguyên tắc áp dụng Luật chung và Luật chuyên ngành

Một bước tiến bộ trong pháp điển hóa, Bộ luật Dân sự 2015 đã quy định áp dụng Bộ luật Dân sự (luật chung) và các luật liên quan (luật chuyên ngành) tại Điều 4 như sau: *1. Bộ luật này là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự; 2. Luật khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này.3. Trường hợp luật khác có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm khoản 2 Điều này thì quy định của Bộ luật này được áp dụng.*

1.2.2. Ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Quy định tại Điều 4 BLDS năm 2015 và các quy định khác đã có quy định ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành (cách gọi khác là Luật khác có liên quan). Vì vậy, khi có tranh chấp khi chọn Luật CTCTD áp dụng tìm xem sự khác biệt với Luật chung để áp dụng cho phù hợp.

1.3. Các yếu tố tác động đến áp dụng Bộ luật dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

1.3.1. Quy định của pháp luật không thống nhất

Thứ nhất, về quy định của BLDS và Luật chuyên ngành

Việc áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án chủ yếu căn cứ vào BLDS và Luật chuyên ngành, các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước

Thứ hai, pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD có nội dung như nhau nhưng có sự tách bạch vụ án kinh doanh thương mại và vụ án dân sự. Điều 30 Khoản 1 BLTTDS năm 2015 quy định những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án: *Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.*

1.3.2. Nhận thức của các chủ thể khi áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Theo thói quen trong áp dụng pháp luật của các chủ thể từ trước đến nay cũng là "rào cản" khi chọn luật và áp dụng pháp luật. Mặt khác, sự phân định rạch ròi "hợp đồng có lợi nhuận" và hợp đồng "tiêu dùng" không thể rạch ròi như trong luật quy định được. Chính vì vậy, trong áp dụng pháp luật mà một bên "không có lợi nhuận" thì đương nhiên chỉ áp dụng BLDS để giải quyết.

1.3.3. Tác động của kinh tế đến hoạt động tín dụng ngân hàng

Theo tôi thì "sức khỏe" của nền kinh tế tắc động mạnh mẽ tới lãi suất. Có những giai đoạn nhu cầu vốn cao thì hoạt động tín dụng ngân hàng sôi động; ngược lại như năm 2020 do ảnh hưởng đại dịch Covid 2019 thì lãi suất giảm và nhiều doanh nghiệp mất khả năng thanh toán có thể dẫn tới tranh chấp. Cụ thể: Từ ngày 13/5/2020, Ngân hàng Nhà nước hạ trần lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng từ 5,25%/năm xuống còn 4,75%/năm. Đây là lần thứ 2 trong năm 2020 và lần thứ 3 trong vòng 1 năm qua Ngân hàng Nhà nước hạ lãi suất điều hành. Các ngân hàng thương mại cũng đồng loạt điều chỉnh giảm lãi suất huy động các kỳ hạn dưới 6 tháng với mức giảm lớn nhất là 0,5% so với biểu lãi suất niêm yết trước đó. Thậm chí, một số ngân hàng còn hạ lãi suất thấp hơn mức trần.

Tiểu kết Chương 1

Trong Chương 1 đã giải quyết các vấn đề sau:

1. Làm rõ một số vấn đề cơ bản về HĐTD, bản chất của tranh chấp HĐTD cũng như những cơ sở lý luận về giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án. Từ đó, mới thấy được sự cần thiết trong việc xây dựng và áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD. Áp dụng pháp luật ở đây được hiểu là chọn luật nào phù hợp và áp dụng cho các dạng tranh chấp HĐTD để Tòa án đưa ra các phán quyết.

2. Làm rõ khung pháp luật điều chỉnh áp dụng BLDS và Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp HĐTD. Nội dung của áp dụng pháp luật là cơ sở để chọn luật áp dụng và áp dụng các quy định để giải quyết tranh chấp. Các yếu tố tác động đến thực thi pháp luật cũng là vấn đề quan trọng được luận văn nghiên cứu làm cơ sở tiếp cận các chương sau.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT CHUYÊN NGÀNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN

2.1. Thực trạng áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

2.1.1. Quy định về nguyên tắc áp dụng Luật chung và luật chuyên ngành

BLDS năm 2015 đã quy định nguyên tắc chung thống nhất cho việc áp dụng pháp luật *"BLDS là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự. Luật khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này. Trường hợp luật khác có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm khoản 2 Điều này thì quy định của Bộ luật này được áp dụng".*

Từ quy định này, các chủ thể trong hợp đồng hoặc chủ thể giải quyết tranh chấp có thể áp dụng cho hợp đồng tín dụng bao gồm:

Thứ nhất, trường hợp quy định trong Luật Các TCTD năm 2010 trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự được ghi nhận tại Điều 3 BLDS năm 2015 thì các quy định của Luật Các TCTD sẽ không được áp dụng mà áp dụng BLDS.

Thứ hai, trường hợp Luật Các TCTD không quy định nhưng trong BLDS năm 2015 có quy định thì áp dụng các quy định của BLDS năm 2015 về hợp đồng.

Có thể khẳng định rằng với vai trò là luật chung, BLDS 2015 đã ghi nhận khá đầy đủ và toàn diện các quy định điều chỉnh quan hệ hợp đồng.

2.1.2. Ưu tiên áp dụng của Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Áp dụng quy định về lãi suất vay, lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng.

Về lãi suất vay được quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015 "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực."

Áp dụng quy định về lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, lãi chậm trả nợ.

LCTCTD năm 2010 hiện vẫn chưa có quy định cụ thể, chi tiết mà chỉ quy định chung chung tại khoản 2 Điều 95 Luật Các TCTD năm 2010 *"Trong*

trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm, tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật".

2.1.3. Áp dụng Bộ luật Dân sự trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

HĐTD là hợp đồng được xác lập giữa một bên là các ngân hàng hoặc các TCTD khác với khách hàng là cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh hoặc không có đăng ký kinh doanh.

Thứ nhất, về các điều kiện có hiệu lực (Điều 117 đến Điều 120) của hợp đồng và hợp đồng vô hiệu (Điều 407, Điều 408 và các điều luật khác có liên quan.)

Thứ hai, về giao kết và thực hiện hợp đồng là một nội dung quan trọng. Các chủ thể giao kết và thực hiện dựa trên cơ sở tự nguyện và căn cứ vào các quy định tương ứng của BLDS.

Thứ ba, về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng là biện pháp do các chủ thể thỏa thuận áp dụng nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ quá trình giao kết hợp đồng tín dụng. Quy định từ Điều 292 đến Điều 591 của BLDS năm 2015.

Thứ tư, về vấn đề lãi chậm trả nợ lãi

BLDS năm 2015 còn có thêm một quy định mới về việc trả nợ lãi tính trên số lãi chậm trả (còn được gọi là lãi chồng lãi). Cụ thể, điểm a khoản 5 Điều 466 BLDS năm 2015 quy định, lãi đối với số tiền lãi chậm trả được chốt cứng là 10%/năm.

2.1.4. Những vướng mắc, bất cập của Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành áp dụng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Thứ nhất, quy định không thống nhất giữa BLDS và Luật Các TCTD về lãi suất cho vay trong HĐTD

Thứ hai, quy định của BLDS và Luật Các TCTD về lãi suất vay trong HĐTD chưa thực sự rõ ràng

Thứ ba, quy định không thống nhất căn cứ tính lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, lãi chậm trả lãi trong BLDS và Luật Các TCTD

Như vậy có nhiều căn cứ áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với khoản nợ gốc quá hạn chưa trả và lãi chậm trả lãi, đặt ra vấn đề về mối quan hệ giữa luật chung và luật chuyên ngành cũng như giá trị pháp lý của các văn bản pháp luật trong quá trình giải quyết tranh chấp HĐTD ở Tòa án.

2.2. Thực tiễn áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

2.2.1. Thực tiễn và những vướng mắc trong chọn Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

Vụ án : Tranh chấp HĐTD giữa Ngân hàng TMCP V (Nguyên đơn) và ông Đoàn Đông N (Bị đơn)

Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh có cho bị đơn vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số HCM/14/0865/HDTD/UPL (LD1404300159) cho bị đơn vay số tiền 90.000.000đồng, thời hạn vay 24 tháng, giải ngân vào ngày 12/02/2014, lãi suất 22%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn, điều chỉnh lãi suất 03 tháng một lần, ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là ngày 01/7/2014; tiền gốc và lãi trả vào ngày 15 dương lịch hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, làm việc trực tiếp và tạo điều kiện cho thanh toán nhưng bị không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 01/10/2018, dư nợ gốc và lãi (theo bảng kê dư nợ gốc, lãi kèm theo) như sau: Bị đơn thanh toán lần cuối vào ngày 16/12/2014 với số tiền 8.983.591 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán nợ gốc là 21.430.481 đồng. Bắt đầu tính lãi quá hạn vào ngày 17/01/2015. Số tiền dư nợ gốc là 68.569.519 đồng, nợ lãi 18.814.472 đồng, nợ lãi quá hạn là 81.748.898 đồng. Tổng cộng: 169.132.889 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của khoản nợ tín dụng nêu trên.

*** Giải quyết của Tòa án**

Tòa án căn cứ vào Điều 463 BLDS năm 2015 và Điều 91, Điều 95 LCTCTD năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Ông Đoàn Đông N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 68.569.519 đồng, nợ lãi là 18.814.472 đồng, nợ lãi quá hạn là 81.748.898 đồng. Tổng cộng số tiền là: 169.132.889 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 02/10/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 12/02/2014.

Ở đây, Tòa án cũng đã lựa chọn áp dụng các quy định tại Luật Các TCTD thay vì BLDS để xác định mức lãi suất trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, cùng một loại HĐTD nhưng quan điểm giải quyết khác nhau.

2.2.2. Thực tiễn và những vướng mắc trong ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

Ngày 07/9/2015, Ngân hàng TMCP Việt Á (gọi tắt là Ngân hàng Việt Á) và Công ty TNHH chế biến Mây-Tre-Gỗ Nam Phước (gọi tắt là Công ty Nam Phước) tự nguyện thỏa thuận ký kết HĐTD ngắn hạn với số tiền cho vay là 1.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn 12 tháng (từ 07/9/2015 đến 07/9/2016), lãi suất vay 21,5%/năm, lãi suất điều chỉnh 16.7%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là nhà và đất của bên thứ 3 với phạm vi bảo lãnh cho số tiền vay gốc tối đa là 1.000.000.000 đồng và lãi, phí phát sinh. Theo đó, Ngân hàng Việt Á đã giải ngân cho Công ty Nam Phước 1 tỷ đồng và Công ty Nam Phước đã trả cho Ngân hàng Việt Á được 95.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ:

2.203.943.115 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 905.000.000 đồng, nợ lãi là 1.295.934.115 đồng).

Do Công ty Nam Phước không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng tín dụng, không trả nợ khi đến hạn, thêm vào đó hiện nay doanh nghiệp đã ngừng hoạt động và bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp nên Ngân hàng Việt Á khởi kiện yêu cầu Công ty Nam Phước phải trả nợ của hợp đồng vay.

*** Giải quyết của Tòa án**

Tòa án nhân dân tỉnh QN căn cứ vào Điều 277 BLTTDS năm 2015, Điều 201 và 203 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 91, Điều 95 và điểm a, khoản 3 Điều 98 Luật Các TCTD năm 2010; Điều 468 BLDS năm 2015 quyết định chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Công ty Nam Phước và những người quản lý công ty liên đới chịu trách nhiệm trả nợ tiền gốc và lãi đúng như yêu cầu cho Ngân hàng Việt Á. Nếu các đối tượng này không thanh toán được các khoản nợ vay cho Ngân hàng Việt Á thì Ngân hàng Việt Á có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Như vậy, trong giải quyết tranh chấp HĐTD, khi xác định tính hợp pháp của lãi suất thỏa thuận trong HĐTD, Tòa án nhân dân tỉnh QN đã ưu tiên áp dụng các quy định của luật chuyên ngành là Luật Các TCTD năm 2010 để xem xét giải quyết, nghĩa là chấp nhận sự thỏa thuận về lãi suất vay (vượt quá 20%/năm) trong HĐTD của các bên khi HĐTD được giao kết một cách hợp pháp.

2.2.3. Một số hạn chế, vướng mắc khi áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

Thứ nhất, việc áp dụng luật để xác định lãi suất vay trong giải quyết các tranh chấp HĐTD giữa các Tòa án còn nhiều lúng túng, chưa thống nhất

Thứ hai, việc giải quyết tranh chấp HĐTD giữa các Tòa án vẫn chưa có nhận thức thống nhất về các quy định của BLDS về lãi suất, phạt vi phạm trong HĐTD.

Thứ ba, trong lĩnh vực bảo đảm thực hiện nghĩa vụ HĐTD, một trong những vướng mắc lớn nhất hiện nay là chưa có cách hiểu thống nhất về việc thế chấp, cầm cố tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho người khác.

2.2.4. Nguyên nhân của một số hạn chế, vướng mắc khi áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

Thứ nhất, về nguyên nhân khách quan

Một là, các quy định của pháp luật hiện hành trong giải quyết tranh chấp HĐTD tuy khá đầy đủ nhưng chưa đồng bộ, hoàn thiện và chưa có sự thống nhất.

Hai là, luật chuyên ngành còn thiếu các quy định làm rõ một số vấn đề liên quan đến giải quyết tranh chấp HĐTD như: căn cứ tính lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi, các vấn đề về giao dịch bảo đảm...

Ba là, các công văn hướng dẫn nghiệp vụ, thông báo rút kinh nghiệm còn ít về số lượng, chưa kịp thời với tình hình thực tiễn, trong khi các văn bản này là một trong những "kim chỉ nam" trong công tác xét xử khi luật chưa quy định hay còn những vướng mắc, bất cập.

Thứ hai, về nguyên nhân chủ quan

Một là, khả năng chuyên môn của các Thẩm phán trong giải quyết tranh chấp HĐTD còn nhiều hạn chế, kỹ năng nghiệp vụ chưa được nâng cao.

Hai là, vai trò của Viện kiểm sát chưa thực sự được phát huy. Với chức năng thực hiện kiểm sát việc xét xử của Tòa án, Viện kiểm sát đóng một vai trò không kém phần quan trọng trong qúa trình giải quyết tranh chấp nói chung và tranh chấp HĐTD nói riêng

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến một số hạn chế, vướng mắc trong việc áp dụng BLDS và Luật Các TCTD trong giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án.

Tiểu kết Chương 2

1. Ở Chương 2, tác giả tập trung vào việc phân tích các quy định của BLDS năm 2005, BLDS năm 2015 và Luật Các TCTD năm 2010 về giải quyết tranh chấp HĐTD dưới ba góc độ: Vấn đề chung về áp dụng BLDS và Luật chuyên ngành, ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành và áp dụng quy định của BLDS khi Luật chuyên ngành chưa quy định. BLDS là luật chung bao trùm những vấn đề pháp lý cho các loại hợp đồng cũng được áp dụng để giải quyết tranh chấp HĐTD, còn Luật chuyên ngành chủ yếu điều chỉnh vấn đề lãi suất vay giữa bên vay và bên cấp tín dụng.

2. Luận văn nghiên cứu về thực tiễn áp dụng BLDS và Luật Các TCTD trong giải quyết các tranh chấp HĐTD tại cơ quan Tòa án thông qua một số vụ án thực tiễn. Trên cơ sở đó, chỉ ra những điểm bất cập trong các quy định cũng như những vướng mắc trong quá trình áp dụng BLDS và Luật Các TCTD để giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án. Từ nguyên nhân của những bất cập, vướng mắc này, tác giả đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng BLDS và Luật Các TCTD trong giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án ở Chương 3.

Chương 3
ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BỘ LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT CHUYÊN NGÀNH TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

3.1.1. Đảm bảo tính thống nhất trong quy định của Bộ luật dân sự (luật chung) và luật chuyên ngành để áp dụng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn cho thấy hệ thống pháp luật còn nhiều điểm còn chồng chéo, bất cập. Do đó, đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống pháp luật liên quan đến giải quyết tranh chấp HĐTD tại toà án là yêu cầu bắt buộc trong việc hoàn thiện pháp luật liên quan.

3.1.2. Bảo vệ quyền lợi chính đáng đối với các chủ thể tham gia quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng

Trong quan hệ HĐTD, dù là bên cấp tín dụng hay bên được cấp tín dụng thì pháp luật cũng có những cơ chế nhất định nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia quan hệ tín dụng.

Nếu hiệu quả áp dụng BLDS và Luật Các TCTD trong giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án được nâng cao thì kết quả giải quyết tranh chấp sẽ đảm bảo được sự công bằng, nghiêm minh và ngược lại. Do vậy, đặt ra yêu cầu nâng cao hiệu qủa áp dụng BLDS và Luật Các TCTD trong giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án.

3.1.3. Đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của các tổ chức tín dụng

Pháp luật cần phải tạo ra một cơ chế tạo điều kiện thuận lợi nhất để các chủ thể tham gia phát triển nói riêng và phát triển nền kinh tế nói chung. Đây là yêu cầu quan trọng ở tầm vĩ mô đối với công tác hoàn thiện pháp luật.

Hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD tại Toà án sẽ là cơ sở và động lực giúp các TCTD bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình, từ đó, gia tăng năng lực cạnh tranh đối với các TCTD khác trong nước hoặc nước ngoài.

3.1.4. Đảm bảo quyền tự do kinh doanh

Điều 33 Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ *"Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm"*.

Hoàn thiện pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi nhằm giải quyết nhanh chóng và thoả đáng các tranh chấp HĐTD sẽ góp phần tạo niềm tin và thúc đẩy các cá nhân, tổ chức phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh

3.1.5. Đảm bảo tính khả thi, đồng bộ và kịp thời trong công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

Trong bối cảnh các tranh chấp phát sinh từ HĐTD ngày càng tăng về số lượng và độ phức tạp thì việc áp dụng luật để giải quyết tranh chấp sao cho chuẩn xác, kịp thời và hiệu quả lại càng trở nên quan trọng hơn. Do đó, trong phạm vi của đề tài, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng BLDS và Luật Các TCTD trong giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án phải đảm bảo được sự đồng bộ, có tính khả thi và kịp thời.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành áp dụng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

3.2.1. Sửa đổi khoản 2 Điều 91 Luật Các TCTD năm 2010 bỏ cụm từ "theo quy định của pháp luật"

Bỏ cụm từ *"theo quy định của pháp luật"* vì các lẽ sau đây:

Một là, xét về nguyên tắc áp dụng luật

Nếu BLDS năm 2005 chưa giải quyết mối quan hệ giữa BLDS là luật chung điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực dân sự với luật khác có liên quan quy định về cùng một vấn đề cụ thể (tức là luật chuyên ngành) thì tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 BLDS năm 2015 có quy định rõ:

"2. Luật khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này.

3. Trường hợp luật khác có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm khoản 2 Điều này thì quy định của Bộ luật này được áp dụng".

Theo quy định này, nếu trong cùng một vấn đề cụ thể mà luật khác có liên quan quy định khác thì "luật khác" – tức luật chuyên ngành sẽ được ưu tiên áp dụng miễn là không trái với các nguyên tắc cơ bản quy định tại Điều 3 của BLDS năm 2015. Theo đó, Luật Các TCTD được xem là luật chuyên ngành điều chỉnh hoạt động tín dụng của các TCTD. Mặt khác, khoản 2 Điều 3 Luật Các TCTD năm 2010 cũng có quy định: *"Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng… thì áp dụng theo quy định của Luật này".* Do vậy, trong sự mâu thuẫn về xác định lãi suất giữa BLDS và LCTCTD thì LCTCTD sẽ được ưu tiên áp dụng.

Hai là, xét về thực tiễn xét xử tại Tòa án

Thông qua nhiều bản án cụ thể, có thể thấy rằng trong quá trình giải quyết tranh chấp HĐTD, đặc biệt là trong việc xem xét về lãi suất giữa các Tòa án vẫn chưa có sự thống nhất. Chẳng hạn, đối với cùng một quan hệ HĐTD được ký kết vào cùng một khoảng thời gian với mức lãi suất trên 20%/năm và tranh chấp cũng được Tòa án giải quyết trong cùng một khoảng thời gian nhất định thì có nơi Tòa án dựa trên các quy định của Luật Các TCTD để chấp nhận mức lãi suất đó theo sự thỏa thuận của các bên, có nơi Tòa án lại áp dụng mức lãi suất trần trong BLDS để bác bỏ giá trị pháp lý của mức lãi suất đó. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy, trong cùng một thời điểm, phần lớn các cơ quan giải quyết tranh chấp đều áp dụng cơ chế lãi suất theo thỏa thuận, nghĩa là áp dụng

các quy định tại Điều 91 LCTCTD năm 2010 để giải quyết tranh chấp HĐTD thay vì áp dụng mức lãi suất ràng buộc tại BLDS.

Ba là, theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN thì lãi suất cho vay do TCTD và khách hàng thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng. Lãi suất cho vay chỉ phải chịu sự can thiệp của Nhà nước, cụ thể là phải tuân thủ mức lãi suất cho vay tối đa do Thống đốc NHNN Việt Nam quyết định trong 05 trường hợp. Nếu không rơi vào 05 trường hợp đã quy định thì trong hoạt động tín dụng, các TCTD hoàn toàn được áp dụng mức lãi suất cho vay theo thỏa thuận với khách hàng.

3.2.2. Quy định cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan

Xét về nguyên tắc áp dụng luật thì Luật Các TCTD năm 2010 để giải quyết các tranh chấp liên quan đến vấn đề lãi suất HĐTD cũng là phù hợp với định hướng tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP quy định về áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng. Để tạo sự thống nhất giữa BLDS và Luật Các TCTD trong việc xác định lãi suất thì pháp luật chuyên ngành cần quy định cụ thể và rõ ràng hơn về việc áp dụng lãi suất này. Theo đó, Tiến sĩ Bùi Quang Tín, Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh cũng cho rằng, cơ quan lập pháp nên bỏ cụm từ *"theo quy định của pháp luật"* tại khoản 2 Điều 91 LCTCTD năm 2010 nhằm phù hợp hơn với các quy định tại BLDS năm 2015[3]. Vì vậy:

Cần sửa đổi, bổ sung quy định cho phép các bên trong quan hệ HĐTD được thỏa thuận mức lãi suất cho vay theo thỏa thuận (giới hạn trong những trường hợp mà Ngân Hàng Nhà nước quy định).

Luật Các TCTD cần có quy định rõ về việc căn cứ tính lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả và lãi chậm trả theo quy định tại BLDS

Về vấn đề lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả và lãi chậm trả, hiện nay các quy định giữa BLDS và các văn bản chuyên ngành về hoạt động tín dụng của các TCTD vẫn còn có sự chưa thống nhất, nhiều căn cứ tính lãi khác nhau gây nên thực trạng nhiều cách hiểu và giải quyết khác nhau. Trong khi đó, Luật Các TCTD năm 2010 vẫn chưa có một quy định nào đề cập đến vấn đề này

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

3.3.1. Tòa án cần thống nhất nhận thức trong việc áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để xác định lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng

Một là, như đã phân tích ở phần giải pháp hoàn thiện các quy định của LCTCTD, trong sự xung đột giữa các quy định của BLDS và Luật Các TCTD về việc xác định lãi suất vay trong HĐTD thì cần phải ưu tiên áp dụng cơ chế

[3] https://cafef.vn/can-co-quy-dinh-ro-rang-hon-ve-ap-dung-tran-lai-suat-20161224104135719.chn, truy cập ngày 28/02/2020.

lãi suất cho vay theo thỏa thuận giữa TCTD và khách hàng theo quy định tại Điều 91 Luật Các TCTD năm 2010 là phù hợp với nguyên tắc áp dụng BLDS tại khoản 2, khoản 3 BLDS năm 2015 – quy định trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác về cùng một vấn đề thì ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành; đồng thời cũng phù hợp với quan điểm của phần lớn các Tòa án trong thực tiễn giải quyết tranh chấp HĐTD.

Hai là, thống nhất quan điểm áp dụng các quy định của Luật Các TCTD trong giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án cũng chính là thực hiện theo đúng định hướng tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

3.3.2. Xác định lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, lãi chậm trả, Tòa án cũng cần xác định rõ căn cứ giải quyết dựa trên các quy định tại Bộ luật dân sự

Một là, khoản 3 Điều 4 của BLDS năm 2015 có quy định: *"Trường hợp luật khác có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm khoản 2 Điều này thì quy định của Bộ luật này được áp dụng"*. Theo nguyên tắc áp dụng BLDS tại khoản 3 Điều 4 BLDS năm 2015 này thì trường hợp luật khác có liên quan (luật chuyên ngành) không có quy định thì áp dụng quy định tại BLDS để giải quyết vấn đề đó.

Hai là, BLDS có giá trị pháp lý cao hơn các văn bản dưới luật. Trong khi đó, theo Điều 156 Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Ba là, các quy định về xác định các khoản lãi phát sinh (lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, lãi chậm trả) tương ứng tại BLDS năm 2005 và BLDS năm 2015 hoàn toàn phù hợp với hướng dẫn tại Điều 8 về xác định lãi, lãi suất trong HĐTD tại thời điểm xét xử sơ thẩm của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP. Ngoài ra, cơ quan giải quyết tranh chấp cũng cần phân biệt rõ giữa vấn đề lãi chậm trả và phạt vi phạm. Hai vấn đề này về bản chất hoàn toàn khác nhau.

Mặt khác, về vấn đề căn cứ tính lãi chậm trả, cần phải có văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thống nhất quan điểm trong việc xác định lãi chậm trả là lãi được tính trên lãi của nợ gốc trong hạn chứ không phải tính trên nợ lãi quá hạn.

3.3.3. Có hướng dẫn về đăng ký giao dịch bảo đảm trong hợp đồng tín dụng

Vì thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ của bên thứ ba, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba là một hợp đồng bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của bên vay vốn đối với NHTM. Tuy nhiên, hiệu lực pháp lý của loại hợp đồng này trong thực tiễn còn có nhiều ý kiến khác nhau và có thể để lại hệ quả xấu cho NHTM. Do đó, để thống nhất quan điểm giữa các Tòa án trong việc áp dụng các quy định của BLDS về giao dịch bảo đảm, đặc biệt là về thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ của bên thứ ba trong quá trình giải quyết tranh chấp HĐTD, cần thiết phải ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ trên cơ sở chỉnh sửa, khắc phục một số bất cập đã nêu trên; sửa đổi, bổ sung quy định về giao dịch bảo

đảm, làm cơ sở văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành, có hiệu lực được áp dụng thống nhất từ giai đoạn thực hiện giao kết đến giai đoạn tranh chấp xét xử tại Tòa án.

3.3.4. Hướng dẫn nghiệp vụ thường xuyên để áp dụng thống nhất pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Một là, thường xuyên cập nhật các công văn hướng dẫn nghiệp vụ, thông báo rút kinh nghiệm của Tòa án tối cao trong giải quyết tranh chấp HĐTD nói chung và vấn đề áp dụng luật để giải quyết tranh chấp HĐTD nói riêng nhằm tạo ra sự thống nhất, đồng bộ, đúng với tinh thần thượng tôn pháp luật, đặc biệt là liên quan đến các vấn đề về lãi suất, biện pháp bảo đảm HĐTD…

Hai là, từ những bất cập pháp luật trong giải quyết tranh chấp HĐTD của Tòa án, thường xuyên đưa ra những kiến nghị cho Tòa án nhân dân tối cao, Quốc hội nhằm rà soát lại các văn bản pháp lý liên quan đến việc giải quyết tranh chấp HĐTD.

Ba là, đảm bảo quá trình tố tụng của Toà án trong giải quyết các tranh chấp HĐTD được tiến hành đúng quy định của pháp luật bằng việc tăng cường các biện pháp giám sát, kiểm tra của Viện kiểm sát đối với hoạt động tố tụng của Toà án.

Bốn là, luôn nâng cao trình độ, năng lực, trách nhiệm và đạo đức của Thẩm phán.

Tiểu kết Chương 3

Qua nghiên cứu Chương 3, chúng tôi đưa ra những kết luận sau đây:

1. Luận văn đã đưa ra những định hướng hoàn thiện pháp luật trong việc áp dụng BLDS và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp HĐTD. Các định hướng là cơ sở để cho các cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện và hướng dẫn thi hành quy định BLDS, Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp HĐTD.

2. Luận văn đã đưa ra hai nhóm giải pháp: Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng BLDS và Luật chuyên ngành trong giải quyết tranh chấp HĐTD. Có thể khẳng định rằng, tuy có những thành tựu nhất định trong pháp điển hóa và hình thành nguyên tắc áp dụng luật "chung" và Luật chuyên ngành nhưng bên cạnh đó còn nhiều vấn đề đặt ra cần hoàn thiện. Việc luận văn đưa ra các nhóm giải pháp có luận giải làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền tham khảo trong sửa đổi Luật, trong hướng dẫn thi hành và vận dụng trong áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu luận văn , tác giả đưa ra những kết luận sau đây:

1. Trình bày có hệ thống các vấn đề lý luận về HĐTD và giải quyết tranh chấp HĐTD và áp dụng BLDS và Luật chuyên ngành giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án. Có thể khẳng định rằng tranh chấp HĐTD hiện nay khá phổ biến, việc áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp bao gồm nhiều văn bản khác nhau. Xác định được nội dung cơ bản của áp dụng BLDS và Luật chuyên ngành là cơ sở cho nghiên cứu và vận dụng trong thực tiễn.

2. Luận văn đã đánh giá thực trạng các quy định của BLDS và Luật chuyên ngành về giải quyết tranh chấp HĐTD. Trong áp dụng pháp luật, BLDS năm 2015 đã có những quy định cụ thể hơn tại Điều 4 và Điều 468, đây là cơ sở pháp lý cho việc áp dụng Luật chung và Luật chuyên ngành. Tuy nhiên, giữa hai văn bản BLDS và Luật Các TCTD còn nhiều điểm chưa phù hợp, đặc biệt dưới góc độ điều chỉnh tiền tệ thì Luật chuyên ngành phải theo hướng "mở" và "linh động" hơn BLDS.

3. Phân tích thực tiễn áp dụng BLDS và LCTCTD trong giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án thông qua một số bản án tiêu biểu. Từ đó đưa ra những vấn đề còn hạn chế, tồn tại trong việc áp dụng BLDS và Luật Các TCTD để giải quyết tranh chấp HĐTD. Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD tại Tòa án vẫn còn rất nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra: Hiệu quả giải quyết tranh chấp không cao, vấn đề áp dụng các quy định giữa luật chuyên ngành và luật chung điều chỉnh cho các quan hệ dân sự là Luật Các TCTD và BLDS trong giải quyết tranh chấp HĐTD giữa các Tòa án chưa có sự thống nhất, còn xung đột về quan điểm giải quyết. Một phần là do các quy định tại Luật Các TCTD và BLDS còn nhiều mâu thuẫn, chưa cụ thể. Một phần là do số lượng và năng lực thẩm phán chuyên môn sâu, kiến thức về chuyên ngành kinh tế còn nhiều hạn chế. Do đó, để nâng cao hiệu quả áp dụng BLDS và Luật Các TCTD trong giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD tại Tòa án thì thời gian tới cần tăng cường nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định của BLDS và Luật Các TCTD về giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD tại Tòa án, đặc biệt là các quy định về lãi suất. Cần ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ nhằm giải quyết mối quan hệ giữa BLDS và Luật Các TCTD, thống nhất quan điểm trong việc áp dụng luật để giải quyết tranh chấp HĐTD nói chung và vấn đề về lãi suất, giao dịch bảo đảm nói riêng. Đồng thời, phải kết hợp với các giải pháp nhằm áp dụng hiệu quả pháp luật để giải quyết tranh chấp trên thực tế như: nâng cao trình độ, kỹ năng nghiệp vụ cho Thẩm phán, tăng cường vai trò của Viện kiểm sát...

4. Định hướng và các giải pháp được luận văn đưa ra trên cơ sở nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật. các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật, chúng tôi đã chỉ ra cần sửa đổi một số điều của các Luật chuyên ngành, những bất cập giữa Luật chung và Luật chuyên ngành. Các giải pháp nâng cao hiệu quả pháp luật là tổng thể những nội dung để áp dụng pháp luật bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong tranh chấp HĐTD.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Quốc hội, Bộ luật Dân sự 2005.
2. Quốc hội, Bộ luật Dân sự 2015.
3. Quốc hội, Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.
4. Quốc hội, Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật 2015.
5. Quốc hội, Luật Các tổ chức tín dụng 2010.
6. Quốc hội, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2010.
7. Chính phủ, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.
8. Chính phủ, Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO

**** Tài liệu tham khảo bằng văn bản:***

9. Trần Võ Hữu Chánh (2019), Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng theo pháp luật Việt Nam hiện nay từ thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân quận 9 thành phố Hồ Chí Minh, Luận văn Thạc sĩ Luật kinh tế, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
10. Đỗ Văn Đại (2010), Lãi suất trần cho vay: Kinh nghiệm nước ngoài và hướng sửa đổi Bộ luật Dân sự, ĐH Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Đỗ Thị Hồng Hạnh (2017), Giải quyết các tranh chấp về hợp đồng tín dụng, Tạp chí Công thương.
12. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
13. Ngân hàng Nhà nước, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.
14. Nguyễn Thái Nam (2018), Vướng mắc, bất cập trong áp dụng quy định lãi suất, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử.
15. Kim Phương (2016), Áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 vào lĩnh vực tài chính - ngân hàng như thế nào, Báo Doanh nhân Sài Gòn.
16. Nguyễn Văn Phương (2018), Vấn đề lãi suất và phạt vi phạm trong hợp đồng cho vay - thực trạng và kiến nghị, Tạp chí Ngân hàng.
17. Trần Ánh Phương (2018), Pháp luật về lãi suất trong hợp đồng tín dụng, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học luật, Đại học Huế.
18. Nguyễn Hữu Qúy (2018), Lãi suất vay trong hợp đồng tín dụng tín chấp của công ty tài chính theo pháp luật Việt Nam hiện nay từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

19. Ngô Thị Trang (2019), Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng từ thực tiễn xét xử của Tòa án tại thành phố Hà Nội, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

20. Nguyễn Thị Hồng Thúy (2018), Pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng ở Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật ĐH Quốc gia Hà Nội.

21. Đoàn Đức Lương (2020), Áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật chuyên ngành trong xác định lãi suất khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tạp chí Đại học Huế tháng 3/2020.

**** Tài liệu tham khảo điện tử:***

22. Quang Chính (2020), Vay tín chấp, cẩn thận với lãi suất tự thỏa thuận

23. Trần Thị Thu Hiền (2019), Xác định lãi phạt chậm trả trong hợp đồng tín dụng: Còn nhiều vướng mắc, bất cập, VKSND TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Kiemsat online

24. Đỗ Mến (2019), 'Chìa khóa' giải quyết tranh chấp lãi suất, Báo mới.

25. Đức Phong (2019), Nên áp dụng Bộ luật Dân sự hay Luật Các tổ chức tín dụng khi cho vay tín chấp?

26. Hà Anh (2016), Còn nhiều bất cập giữa Bộ luật Dân sự 2015 và luật chuyên ngành

27. Trần Tuấn Anh (2016), Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng qua thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

28. Lương Khải Ân, Vận dụng đúng quy định của pháp luật về lãi suất, giải quyết tranh chấp tín dụng ngân hàng tại Tòa án, Tạp chí Tòa án nhân dân số 23, tháng 10/2013 và số 24 tháng 12/2013.

29. Phạm Thị Như Bình (2017), Giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng tại Tòa án cấp sơ thẩm theo pháp luật Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật, Đại học Huế.

30. Lê Văn Sua (2017), Lãi suất theo Điều 468 BLDS năm 2015, đối tượng chịu sự điều chỉnh?, Bộ Tư pháp,